

Bản án số: 05/2022/KDTM-PT
Ngày: 16-02- 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Minh Dũng

- *Các Thẩm phán:* Ông Võ Công PH

Bà Đỗ Thị Thắm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B Định:* Bà Đào Thanh Tú – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2021/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2022/QĐ-PT ngày 07/01/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐ-PT ngày 21/01/2022 của TAND tỉnh B Định, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H

Trụ sở: đường T, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân T – Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng H, chi nhánh B Định.

Trụ sở chi nhánh: đường M, thành phố Q, B Định.

(Theo văn bản ủy quyền số 300/UQ-TGD ngày 11/5/2021).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1972

Ông Nguyễn Hải B, sinh năm 1972

Cùng cư trú tại: đường T, thành phố Q, B Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Minh H là bị đơn.

Tất cả các bên đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Đào Xuân T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ngân hàng H trình bày:

Ngày 31/12/2019, Ngân hàng H, chi nhánh B Định (gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B có ký Hợp đồng tín dụng (HĐTD) ngắn hạn số 187/2019/HĐTDNH-CN/SHB.131700 ngày 31/12/2019. Theo hợp đồng, ông B và bà H vay số tiền 11.450.000.000 đồng; Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyển hàng nông sản; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất thỏa thuận cho vay trong hạn 12,2%/năm cố định từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020, được điều chỉnh lần đầu tiên ngày 31/03/2020, các lần điều chỉnh tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cao nhất khách hàng cá nhân của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh biên độ cho vay 3%/năm; Lãi chậm trả theo mức lãi suất của bên cho vay tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không vượt quá 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi; Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

Ngoài ra, ngày 24/4/2020 bà H có đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế (Thẻ cá nhân). Hạn mức tín dụng thẻ: 300.000.000 đồng, nợ gốc phát sinh 295.009.900 đồng.

Tài sản bảo đảm: Nhà và đất tại thửa đất số 29; Tờ bản đồ 17, tại số 20/11 đường T, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02361 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 27/09/2018. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 172/2019/HĐTC-CN/SHB.131700 ngày 31/12/2019, được công chứng tại phòng công chứng số 1 tỉnh B Định, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B Định – chi nhánh thành phố Q vào ngày 31/12/2019.

Trong quá trình vay vốn, bà H và ông B đã trả được 09 tháng tiền lãi, phí của HĐTD với tổng số tiền 1.014.514.257 đồng và 02 đợt trả tiền gốc của thẻ Tín dụng với tổng số tiền 33.577.803 đồng. Từ ngày 25/12/2020 cho đến nay, ông B và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện bà H, ông B để thu hồi nợ. Trong quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn yêu cầu Ngân hàng giảm lãi suất cho vay, giãn nợ, giữ nguyên nhóm nợ đến hết năm 2021 nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19. Tuy nhiên, ông B và bà H không thuộc đối tượng được xem xét vì khi thông báo xử lý nợ Ngân hàng đến nhà thì bị đơn không nhận Thông báo nên Ngân hàng phải gửi qua đường Bưu điện. Ngân hàng cũng không nhận được Đề nghị cơ cấu nợ và các chứng từ thể hiện khách hàng đang bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19. Hiện nay khoản nợ quá hạn của bị đơn đã chuyển cho bộ phận xử lý nợ của Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng đề nghị bà H, ông B phải trả cho Ngân hàng số tiền tính

đến ngày 30/9/2021 là 13.677.017.526 đồng. Trong đó: Tiền gốc 11.450.000.000 đồng; tiền lãi 2.215.887.824 đồng (trong đó lãi trong hạn là 351.674.666 đồng; lãi quá hạn là 1.490.131.188 đồng; lãi chậm trả lãi là 15.466.455 đồng) và nợ thẻ tín dụng 369.745.217 đồng (trong đó nợ gốc 261.432.097 đồng; phí phạt chậm trả chưa thanh toán 9.768.503 đồng; tiền lãi dự thu chưa thanh toán 98.544.617 đồng).

Đồng thời, buộc bà H, ông B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí phạt phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế mà hai bên đã ký kết cho đến khi bà H và ông B thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong T hợp bà H và ông B không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà H và ông B. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà H, ông B phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B thống nhất trình bày:

Ông, bà thống nhất có ký HĐTD ngắn hạn số 187/2019/HĐTDNH-CN/SHB.131700 ngày 31/12/2019 với Ngân hàng. Ông, bà thống nhất số tiền vay, lãi suất thỏa thuận, mục đích vay, thời hạn vay như đại diện Ngân hàng trình bày. Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông bà thống nhất có thể chấp cho Ngân hàng nhà và đất tại 20/11 đường T, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02361 ngày 27/09/2018 cho ông B, bà H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 172/2019/HĐTC-CN/SHB.131700 ngày 31/12/2019

Bà H thống nhất, ngày 24/4/2020 bà có đơn Đề nghị và Ngân hàng đã cấp cho bà thẻ tín dụng Quốc tế (Thẻ cá nhân). Hạn mức tín dụng thẻ 300.000.000 đồng, mục đích tạo điều kiện bà trả lãi Ngân hàng đối với HĐTD ngắn hạn nói trên. Bà thống nhất số tiền gốc và lãi còn nợ thẻ tín dụng như đại diện Ngân hàng trình bày.

Do ảnh hưởng dịch COVID - 19 nên công việc kinh doanh của ông, bà gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, từ ngày 25/12/2020 cho đến nay ôngbà không thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ôngbà trả số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2021 là 13.677.017.526 đồng. Trong đó: Tiền gốc 11.450.000.000 đồng; tiền lãi 2.215.887.824 đồng (trong đó lãi trong hạn 351.674.666 đồng; lãi quá hạn 1.490.131.188 đồng; lãi chậm trả lãi 15.466.455 đồng) và nợ thẻ tín dụng 369.745.217 đồng (trong đó nợ gốc 261.432.097 đồng; phí phạt chậm trả chưa thanh toán 9.768.503 đồng; tiền lãi dự thu chưa thanh toán 98.544.617 đồng). Ông bà thống nhất số nợ nhưng đề nghị Ngân hàng áp dụng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19 để giảm lãi suất cho vay, giãn nợ, giữ nguyên nhóm nợ đến hết năm 2021 để ông bà có thời gian khôi phục kinh doanh hoặc bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 87/2021/KDTM-ST ngày 30

tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H số tiền tính đến ngày 30/9/2021 là 13.677.017.526 đồng. Trong đó: nợ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn 13.307.272.309 đồng (trong đó tiền gốc 11.450.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 351.674.666 đồng; lãi quá hạn 1.490.131.188 đồng; lãi chậm trả lãi 15.466.455 đồng) và nợ thẻ tín dụng 369.745.217 đồng (trong đó nợ gốc 261.432.097 đồng; phí phạt chậm trả chưa thanh toán 9.768.503 đồng; tiền lãi dự thu chưa thanh toán 98.544.617 đồng).

2. T hợp vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là nhà và đất tại 20/11 đường T, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Thửa đất số 29, tờ bản đồ 17 đã được cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02361 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 27/09/2018 để thu hồi toàn bộ nợ vay. T hợp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán số tiền nợ thì vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

3. T hợp vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B trả hết nợ thì Ngân hàng H có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ giấy tờ bản gốc có liên quan đến tài sản thế chấp cho vợ chồng bà H, ông B.

4. Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B về việc đề nghị Ngân hàng giảm lãi suất cho vay, giãn nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho bị đơn đến hết năm 2021 vì không phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 13/10/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm số 87/2021/KDTM-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, yêu cầu cấp phúc thẩm áp dụng quy định pháp luật Theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020; Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam để cơ cấu lại thời hạn trả nợ và xem xét miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 trong thời gian năm 2020 và 2021.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh H, HĐXX thấy rằng:

- Theo Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 187/2019/HĐTDNH-CN/SHB.131700 ngày 31/12/2019 giữa Ngân hàng H với vợ chồng ông Nguyễn Hải B bà Nguyễn Thị Minh H, quy định về “Cơ cấu lại thời hạn trả nợ” thì: “T hợp gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn và bên B có nhu cầu điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ, trước khi đến hạn trả nợ ít nhất 10 ngày, bên B phải gửi văn bản đề nghị tới Bên A kèm theo lý do ...” nhưng khi khoản nợ đã quá hạn từ ngày 31/12/2020, đến đầu tháng 9/2021 khi Tòa cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử vợ chồng ông B bà H vẫn chưa có đơn gửi Ngân hàng đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ và xin miễn, giảm lãi, phí nên không có cơ sở để Ngân hàng xem xét theo yêu cầu kháng cáo của chị H.

- Mặt khác căn cứ Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì phải đáp ứng đầy đủ 08 điều kiện mới được cơ cấu thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông B bà H không đáp ứng được các điều kiện này, cụ thể: Chưa được ngân hàng đánh giá không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc và lãi theo hợp đồng do thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19 và khi ngân hàng khởi kiện bà H chưa đề nghị được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và ngân hàng đánh giá khách hàng có khả năng trả nợ đầy đủ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định Ngân hàng được quyền miễn, giảm lãi, phí, nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định nội bộ của từng ngân hàng nhưng phía ngân hàng cho biết T hợp bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Hải B không được xét miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ của ngân hàng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm 2.000.000đồng Ngân hàng H tự nguyện chịu (đã nộp xong)

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Đại diện VKSND tỉnh B Định phát biểu đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 293, 295, 298, 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 87/2021/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H số tiền tính đến ngày 30/9/2021 là 13.677.017.526 đồng. Trong đó: nợ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn là 13.307.272.309 đồng (trong đó tiền gốc là 11.450.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 351.674.666 đồng; lãi quá hạn là 1.490.131.188 đồng; lãi chậm trả lãi là 15.466.455 đồng) và nợ thẻ tín dụng là 369.745.217 đồng (trong đó nợ gốc là 261.432.097 đồng; phí phạt chậm trả chưa thanh toán là 9.768.503 đồng; tiền lãi dự thu chưa thanh toán là 98.544.617 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng chị Nguyễn Thị Minh H, anh Nguyễn Hải B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trường hợp vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng H, thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 172/2019/HĐTC-CN/SHB.131700 ngày 31/12/2019, được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh B Định, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B Định – chi nhánh TP. Q vào ngày 31/12/2019 để thu hồi nợ. T hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

T hợp vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B trả hết nợ thì Ngân hàng H có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp và hoàn trả các giấy tờ đã nhận thế chấp cho vợ chồng bà H, ông B.

3. Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B về việc đề nghị Ngân hàng giảm lãi suất cho vay, giãn nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho đến hết năm 2021

4. Về chi phí tố tụng và án phí:

4.1. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm 2.000.000 đồng Ngân hàng H tự nguyện chịu (đã nộp xong).

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Hải B phải chịu 121.677.000đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng H số tiền 60.335.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002456 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Q.

4.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003054 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q (đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng